

Số: /BC- KTNS

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ
Công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các làng nghề
trên địa bàn tỉnh
(Báo cáo tại kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khoá XVII)

Thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2022, Ban kinh tế - ngân sách đã ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát và xây dựng Kế hoạch số 09/KH-KTNS ngày 15/02/2022 giám sát chuyên đề về “*Công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh*”.

Trên cơ sở giám sát qua báo cáo của các địa phương, đơn vị; giám sát trực tiếp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND một số huyện: Thanh Miện, Gia Lộc, Bình Giang và tổ chức khảo sát trực tiếp, điều tra xã hội học về hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách báo cáo HĐND tỉnh kết quả giám sát như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tổng quan về hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh

Làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời, có nơi xuất hiện từ hàng trăm năm trở về trước. Các làng nghề được phân bố chủ yếu ở khu vực nông thôn, trải rộng khắp 12 huyện, thị xã, thành phố¹. Hiện nay toàn tỉnh có 66 làng nghề được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh công nhận², trong đó có 34 làng nghề truyền thống với nhiều làng nghề lâu năm, đã tạo được chỗ đứng trên thị trường như: gốm Chu Đậu, gỗ mỹ nghệ Đông Giao, vàng bạc Châu Khê, thêu ren Xuân Nẻo, rượu Phú Lộc, giày da Hoàng Diệu... Theo các tiêu chí quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ, các ngành nghề được chia thành 06 nhóm như sau:

- Nhóm ngành chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản: 11 làng nghề;

¹ Tứ Kỳ: 11 làng nghề; Gia Lộc: 11 làng nghề; Bình Giang: 09 làng nghề; Nam Sách: 08 làng nghề; Thanh Miện: 07 làng nghề; Cẩm Giàng: 04 làng nghề; Kinh Môn: 04 làng nghề; Hải Dương: 03 làng nghề; Chí Linh: 03 làng nghề; Ninh Giang: 02 làng nghề; Kim Thành: 02 làng nghề; Thanh Hà: 02 làng nghề.

² Bao gồm 65 làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và 01 làng nghề nông nghiệp; giảm 01 làng nghề so với năm 2018 (công nhận thêm 01 làng nghề, thu hồi 01 làng nghề);

- Nhóm ngành sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: 06 làng nghề;
- Nhóm ngành xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn: 03 làng nghề;
- Nhóm ngành sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ: 37 làng nghề;
- Nhóm ngành sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh: 01 làng nghề;
- Nhóm ngành dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn: 08 làng nghề.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01)

Trải qua nhiều biến động, thăng trầm, các làng nghề vẫn đã và đang tồn tại, phát triển; bước đầu khai thác và phát huy được tiềm năng lợi thế, bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương. Nhiều làng nghề đã đổi mới được cơ chế hoạt động, đầu tư đổi mới công nghệ để nhập cuộc, bắt nhịp với những yêu cầu mới của xã hội; tạo ra các sản phẩm tiêu dùng và xuất khẩu đáp ứng nhu cầu thị trường. Sự phát triển của làng nghề không chỉ bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương mà còn góp phần chuyển dịch, đa dạng hóa kinh tế nông thôn; gia tăng giá trị sản xuất, xuất khẩu, đóng góp vào ngân sách nhà nước; tạo việc làm cho khoảng 20.000 lao động nông thôn với thu nhập trung bình từ 4.000.000 - 8.000.000 đồng/tháng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 02).

2. Kết quả giám sát công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh

2.1. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Giai đoạn từ năm 2018 trở về trước, Sở Công thương là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về hoạt động của làng nghề trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ; Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh đã ban hành 02 văn bản quản lý nhà nước về làng nghề: Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 về việc công nhận làng nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hải Dương và Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 về quy hoạch phát triển hệ thống làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Đồng thời, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND về một số nội dung chi, mức chi cho hoạt

động khuyến công và ban hành Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND về quy định cơ chế quản lý kinh phí khuyến công.

Ngày 12/4/2018, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ra đời thay thế cho Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ đã quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn. Sau khi được chuyển giao nhiệm vụ, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2.2. Công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh

2.2.1. Việc thực hiện rà soát, thống kê, phân loại, lập kế hoạch quản lý phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh

Hàng năm, thực hiện chức năng quản lý nhà nước được phân công, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn rà soát, thống kê, phân loại và tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình phát triển ngành nghề nông thôn báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Xây dựng danh mục dự án phát triển ngành nghề nông thôn và bảo tồn phát triển làng nghề giai đoạn 2021 -2025 (Bao gồm: 30 dự án phát triển ngành nghề nông thôn với tổng mức đầu tư 18 tỷ đồng và 03 dự án bảo tồn và phát triển làng nghề với tổng mức đầu tư 7,5 tỷ đồng). Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu rà soát và bổ sung, hoàn thiện các chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và tham mưu xây dựng dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn lồng ghép với các chương trình, đề án của ngành.

2.2.2. Việc rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh xét công nhận và thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn

Giai đoạn 2014-2018, Sở Công thương đã tham mưu UBND tỉnh công nhận cho 67 làng nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp và thu hồi 02 làng nghề³. Sang giai đoạn 2018-2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh công nhận thêm 01 làng nghề mới⁴. Các làng nghề sau khi được công nhận cơ bản đã duy trì hoạt động và phát triển tốt.

³ Bao gồm: Làng bún bánh đa Lang Khê, xã An Lâm, huyện Nam Sách và làng sản xuất VLXD không nung Lầu Khê, xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách.

⁴ Làng nghề trồng hoa cây cảnh Phù Liễn, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách.

2.2.3. Công tác đào tạo, tập huấn; xúc tiến thương mại

Trong thời gian qua, các sở, ngành, địa phương trong tỉnh đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử, hỗ trợ kinh phí xây dựng website thương mại điện tử cho hàng chục doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh và tại các làng nghề. Trung tâm Khuyến công và tư vấn Phát triển công nghiệp đã tích cực hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, máy móc từ nguồn vốn của chương trình khuyến công địa phương và khuyến công quốc gia (*giai đoạn 2018-2021 kinh phí khuyến công địa phương là 7,161 tỷ đồng, kinh phí khuyến công quốc gia là 4,85 tỷ đồng*) cho các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh; tư vấn xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp để nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Trung tâm Xúc tiến thương mại thông tin, hỗ trợ tổ chức cho các doanh nghiệp, cơ sở tham gia quảng bá, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh như: các Hội chợ Thương mại; Hội chợ OCOP khu vực phía Bắc; Hội chợ Thương mại khu vực đồng bằng Sông Hồng...; Hội chợ triển lãm hàng Công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực phía Bắc. Qua đó, giúp các cơ sở, hộ sản xuất, đặc biệt là ở các làng nghề có điều kiện học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội đầu tư, liên doanh, liên kết, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm thị trường cho các làng nghề và các cơ sở sản xuất tại các làng nghề, tìm đầu ra cho sản phẩm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức 09 lớp tập huấn xúc tiến thương mại cho 483 lượt người (*tổng kinh phí 115,6 triệu đồng*) và hỗ trợ cho khoảng 100 lượt cơ sở tham gia 25 Hội chợ tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc (*tổng kinh phí 1 tỷ 396 triệu đồng*).

- Phát triển các sản phẩm truyền thống, sử dụng nguyên liệu địa phương có tiềm năng tại một số làng nghề trở thành sản phẩm OCOP cũng đã và đang là một bước đi đúng đắn của các sở, ngành địa phương trong việc nâng cao độ nhận diện và giá trị của sản phẩm làng nghề. Trong giai đoạn 2018-2021, toàn tỉnh có 9 sản phẩm OCOP là các sản phẩm của làng nghề (*Năm 2019 có 01 sản phẩm của làng nghề rượu Phú Lộc xã Cẩm Vũ huyện Cẩm Giàng; năm 2020 có 04 sản phẩm của các làng nghề rượu Phú Lộc xã Cẩm Vũ huyện Cẩm Giàng, làng nghề vàng bạc Châu Khê xã Thúc Kháng huyện Bình Giang, làng nghề bánh đa Hội Yên xã Chi Lăng Nam huyện Thanh Miện; năm 2021 có 04 sản phẩm của các làng nghề hương Đông Thôn xã Quốc Tuấn huyện Nam Sách, làng nghề chổi chít Mật Sơn - Chí Minh thành phố Chí Linh*). Thông qua

chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của Sở Nông nghiệp và PTNT đều ưu tiên trưng bày và quảng bá các sản phẩm làng nghề tiêu biểu của tỉnh.

2.2.4. Công tác hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề

- Trong giai đoạn 2018-2021, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định hỗ trợ đầu tư cải tạo hạ tầng (*đường giao thông, hệ thống tiêu thoát nước...*) của các làng nghề lồng ghép trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, kết quả cụ thể như sau:

+ Phân bổ cho 14 xã trên địa bàn tỉnh để thực hiện hỗ trợ đầu tư cải tạo hạ tầng (*đường giao thông, hệ thống tiêu thoát nước...*) của 18 làng nghề⁵: tổng mức đầu tư: 43.187,5 tỷ đồng trong đó: nguồn vốn ngân sách Trung ương là 34 tỷ 550 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách địa phương là 8 tỷ 637,5 triệu đồng.

+ Phân bổ cho UBND huyện Tứ Kỳ để hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa đường làng nghề thôn Ô Mễ xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ⁶: nguồn vốn ngân sách Trung ương là 2 tỷ đồng.

- Năm 2021, hỗ trợ 02 dự án phát triển ngành nghề nông thôn và đang tiến hành các quy trình thực hiện hỗ trợ⁷ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 và thực hiện trong năm 2022, gồm:

+ Hỗ trợ nâng cấp hệ thống phân lọc cà rốt của Công ty cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương, thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng: 300 triệu đồng.

+ Hỗ trợ dây chuyền sản xuất muối vùng dinh dưỡng của Công ty cổ phần nông nghiệp hữu cơ HD-Green, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc: 300 triệu đồng.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Việc thực hiện báo cáo theo yêu cầu giám sát: Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh ban hành công văn yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo theo đề cương giám sát. Đến thời điểm hạn cuối nộp báo cáo, Ban đã nhận được báo cáo của 02 Sở, chỉ có 10/12 đơn vị cấp huyện gửi báo cáo

⁵ Theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (còn lại) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2020.

⁶ Theo Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021.

⁷ Theo Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021.

(02/12 đơn vị cấp huyện không gửi báo cáo⁸). Tuy nhiên, chất lượng báo cáo của một số đơn vị còn sơ sài, chưa đảm bảo yêu cầu.

- Nhiều ngành nghề thủ công đã và đang dần bị mai một, có nguy cơ thất truyền⁹; số lượng nghệ nhân tài hoa còn rất ít, chủ yếu là lao động phổ thông¹⁰. Quy mô sản xuất của các làng nghề còn nhỏ, manh mún; chủ yếu mang tính tự phát, phục vụ tiêu dùng của dân cư trong khu vực. Gần 80% các cơ sở không đủ vốn để đầu tư đổi mới kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, thiếu nguyên liệu tại chỗ, vẫn phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ nơi khác, chưa có chợ đầu mối cung cấp nguyên liệu, phụ liệu.

Sản phẩm còn đơn điệu, mẫu mã chậm cải tiến không bắt kịp với thị hiếu người tiêu dùng nên thiếu tính cạnh tranh trên thị trường. Các cơ sở sản xuất chưa tìm được đầu ra chủ động và ổn định cho sản phẩm. Doanh thu và thu nhập của người lao động chưa tạo được động lực để gắn bó với nghề¹¹.

- Trên thực tế nhiều làng nghề trên địa bàn tỉnh không đảm bảo các tiêu chí để được công nhận làng nghề theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ như tiêu chí về tỷ lệ số hộ dân làm nghề/tổng số hộ dân của làng (làng nghề bún Đông Cạn, xã Tân Tiến: 5,9%; làng nghề bún Tam Lương, xã Tân Tiến: 8,6%; làng nghề mây tre đan thôn Chăm, thị trấn Gia Lộc: 6,2%; làng nghề mộc thôn Đức Đại, thị trấn Gia Lộc: 8,2%; làng nghề mộc - thêu ren thôn Gạch, xã Yết Kiêu: 13,7%; làng nghề rèn - thêu ren thôn Đồng Tái, xã Thống Kênh: 7,5%), các tiêu chí về môi trường không đảm bảo theo quy định (08/66 làng nghề không có phương án bảo vệ môi trường; hạ tầng môi trường làng nghề không đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường) (Chi tiết theo Phụ lục số 03). Có những làng nghề đã dừng hoạt động từ lâu nhưng cơ quan nhà nước vẫn chưa làm thủ tục đề nghị cấp trên thu hồi (Làng nghề uôm tơ Hà Tràng; làng thêu tranh, móc sợi An Dương; làng ghép trúc, thêu tranh La Ngoại...).

- Quy trình, thủ tục để được công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống hay nghệ nhân nghề chưa thực sự thông thoáng, người dân chưa thấy được giá

⁸ 02 đơn vị chưa nộp báo cáo là UBND huyện Cẩm Giàng và UBND thành phố Chí Linh.

⁹ 01 làng nghề truyền thống bị thu hồi chứng nhận (làng nghề bún bánh đa Lang Khê); 01 làng nghề truyền thống đã ngừng hoạt động (làng uôm tơ Hà Tràng). Tính đến thời điểm 31/12/2021, có 03 làng nghề đã ngừng hoạt động, 10 làng nghề có nguy cơ bị mai một, 14 làng nghề hoạt động cầm chừng, 26 làng nghề đảm bảo các tiêu chí công nhận làng nghề theo quy định.

¹⁰ Toàn tỉnh chỉ có 55 nghệ nhân nghề thủ công nghiệp được công nhận/20.073 lao động tại các làng nghề (tỷ lệ 0,27%); 06 nghệ nhân nghề ưu tú.

¹¹ Thu nhập trung bình của người lao động từ 4.000.000 - 8.000.000 đồng/người/tháng nhưng không đồng đều và không ổn định. Đối với các nghề như mây tre đan, theo khảo sát, thu nhập của người dân chỉ đạt từ 1.500.000 - 2.000.000 đồng/người/tháng.

trị khi được công nhận nên nhiều nơi không mặn mà với việc làm hồ sơ đề nghị công nhận.

- Việc bảo tồn văn hoá truyền thống của sản phẩm làng nghề chưa được chú trọng và quan tâm. Phần lớn các cơ sở sản xuất còn chạy theo lợi nhuận ngắn hạn, mang tính thị trường mà ít chú trọng tới nâng cao trình độ tinh xảo và phát huy giá trị truyền thống của sản phẩm. Mặt khác, nhiều hộ gia đình trong làng nghề còn làm những mặt hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của sản phẩm làng nghề.

- Cơ sở sản xuất tại các làng nghề nằm rải rác trong khu vực dân cư nên hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ làng nghề còn hạn chế, chủ yếu phục vụ sinh hoạt, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; hệ thống giao thông nhỏ hẹp không đáp ứng được nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất; phương tiện, hệ thống phòng chống cháy nổ chưa được các cơ sở quan tâm đầu tư. 100% các làng nghề chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Công tác bảo vệ môi trường ở một số làng nghề chưa được đảm bảo, nhiều nơi ô nhiễm nặng gây ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng dân cư xung quanh như: ô nhiễm về nguồn nước ở các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, cơ kim khí...; ô nhiễm tiếng ồn tại các làng nghề cơ khí, mộc... Các chất thải rắn chưa được quản lý, thu gom xử lý triệt để, chủ yếu được chôn lấp hoặc đốt thủ công nên ít nhiều vẫn gây ô nhiễm môi trường xung quanh và làm xấu cảnh quan làng nghề¹².

- Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm liên quan đến làng nghề chưa thường xuyên, xử lý chưa kịp thời. Các chế tài xử phạt đối với các cơ sở, nhất là trong việc gây ô nhiễm môi trường còn thiếu và yếu, chưa triệt để.

- Việc phát triển du lịch gắn kết với làng nghề hiện nay chủ yếu thực hiện trên cơ sở khai thác những điều kiện tự nhiên sẵn có của địa phương; chưa có sự đầu tư bài bản, gắn kết; các điều kiện hạ tầng du lịch làng nghề chưa được đầu tư đồng bộ (*giao thông, bãi đỗ xe, nhà trưng bày, nhà tiếp đón...*).

2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Ý thức bảo vệ môi trường của người dân và một số đơn vị sản xuất tại làng nghề còn kém. Việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn lao động

¹² Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư 31/2016/TT-BTNMT, hạ tầng bảo vệ môi trường làng nghề phải đảm bảo các điều kiện: Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề; Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; Có điểm tập kết chất thải rắn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; khu xử lý chất thải rắn (nếu có) đảm bảo quy định về quản lý chất thải rắn hoặc có phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn nằm ngoài địa bàn.

chưa được đảm bảo. Công tác quản lý và những giải pháp bảo vệ môi trường chưa được xử lý đúng mức.

- Công tác tham mưu, quán triệt triển khai thực hiện của các sở ngành chuyên môn, các địa phương trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động của làng nghề chưa sâu sát, kịp thời¹³. Chính quyền các cấp chưa thực sự quan tâm tới việc duy trì và phát triển làng nghề. Công tác quy hoạch làng nghề còn nhiều hạn chế, chưa mang tính định hướng tổng thể và dài hạn.

- Hệ thống cơ chế, chính sách về phát triển làng nghề còn nhiều bất cập. Các chính sách về ưu đãi tín dụng và các điều kiện đi kèm chưa thật sự hấp dẫn nên chủ các cơ sở chủ yếu sử dụng vốn tự có, số vốn đi vay rất ít. Các chính sách về khoa học - công nghệ còn khá nghèo nàn: trong giai đoạn từ năm 2018 - 2021, chưa có đề tài, dự án khoa học công nghệ nào được áp dụng thành công vào thực tiễn và phát huy hiệu quả. Chính sách khuyến công của tỉnh đã được ban hành nhưng trong giai đoạn 2018 - 2021, theo báo cáo của Sở Công thương, mới hỗ trợ được cho 04 hộ dân tại các làng nghề trên địa bàn huyện Cẩm Giàng đề ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong dây chuyền sản xuất tượng gỗ và đồ mộc mỹ nghệ với số tiền 560 triệu đồng, chiếm 7,8% tổng nguồn kinh phí khuyến công địa phương. Chính sách đào tạo nghề, quản lý lao động, thu hút lao động làng nghề chưa hiệu quả; trong 04 năm từ 2018 - 2021, số lao động tại các làng nghề giảm 8,8% (*từ 22.0099 lao động năm 2018 xuống còn 20.073 lao động năm 2021*), các lớp đào tạo nghề chưa được tổ chức thường xuyên, hiệu quả đạt được chưa cao. Chính sách thị trường chưa thực sự tạo sự đột phá, các cơ sở sản xuất chủ yếu sản xuất thụ động theo đơn hàng có sẵn, việc tìm kiếm mở rộng thị trường gặp nhiều khó khăn; doanh thu hàng năm cũng như giá trị xuất khẩu đạt được rất thấp.

- Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước trực tiếp tại các xã, phường, thị trấn đều hoạt động kiêm nhiệm. Mọi hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến các làng nghề chủ yếu thực hiện thông qua cán bộ xã và các Trưởng thôn. Việc thay đổi nhân sự các xã, các trưởng thôn qua thời gian hoặc các Trưởng thôn không tham gia vào hoạt động sản xuất của làng nghề đã làm hạn chế nhiều chức năng hỗ trợ, tác động của quản lý nhà nước đến với các làng nghề.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

¹³ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/6/2018 nhưng đến tháng 10/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương; các văn bản quán triệt, triển khai thực hiện của các cấp, các ngành hầu như chưa được ban hành.

Từ kết quả hoạt động giám sát, Ban kinh tế - ngân sách có một số kiến nghị như sau:

1. Đối với HĐND tỉnh

- Tăng cường hoạt động giám sát về hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó xem xét sửa đổi hoặc ban hành mới chính sách hỗ trợ cho các làng nghề về vốn, khoa học công nghệ, hỗ trợ tìm kiếm thị trường...

2. Đối với UBND tỉnh

- Nghiên cứu ban hành Đề án tổng thể về khôi phục và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh với mục tiêu bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch, dịch vụ và bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng kế hoạch phát triển chi tiết đối với từng địa phương, từng ngành nghề như phát triển làng nghề gắn với du lịch, làng nghề công nghiệp hỗ trợ, làng nghề chế biến nông sản thực phẩm... đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của mỗi địa phương và quy hoạch chung của huyện, tỉnh, vùng và cả nước.

- Chỉ đạo rà soát hoạt động của tất cả các làng nghề trên địa bàn tỉnh để có hướng xử lý phù hợp. Xem xét ban hành quyết định thu hồi đối với các làng nghề không còn đủ điều kiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với các làng nghề còn lại, tập trung nguồn lực, chính sách hỗ trợ trên cơ sở phát huy, bảo tồn các làng nghề truyền thống và duy trì, phát triển các làng nghề mới.

*** Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân công. Chủ trì phối hợp giữa các sở, ngành và các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội trong quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

- Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh các chính sách, quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Thực hiện rà soát, thống kê, phân loại, lập kế hoạch quản lý phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh theo định kỳ quy định, phù hợp với yêu cầu thực tiễn

- Hỗ trợ các cơ sở làng nghề cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường, kết nối giao thương, tham gia hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế để quảng bá,

giới thiệu và bán sản phẩm, tham quan khảo sát thị trường trong và ngoài nước; liên kết kinh doanh, đẩy mạnh hợp tác sản xuất giữa các vùng, địa phương...

- Đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm làng nghề, nghề truyền thống nhằm bảo hộ và quảng bá danh tiếng sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP) tại các làng nghề nhằm hoàn thiện các sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh.

- Rà soát tham mưu cho UBND tỉnh đổi mới cơ chế, chính sách về phát triển làng nghề theo hướng khắc phục những hạn chế, vướng mắc đã và đang có; giúp chính sách thực sự đi vào thực tiễn, dễ dàng tiếp cận và triển khai thực hiện. Hoàn thiện, bổ sung các chính sách khôi phục, đổi mới, phát triển nghề thủ công nghiệp truyền thống và mở ra nghề mới.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố để xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm.

*** Đối với Sở Công thương**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nghề, làng nghề quảng bá, mở rộng thị trường, tham gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm. Lòng ghép nguồn kinh phí khuyến công hỗ trợ các hoạt động để bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trong tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án, chương trình đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường công tác thông tin, xúc tiến thương mại; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi tham gia công tác bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề truyền thống, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị. Hỗ trợ cho địa phương mở lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Khuyến khích các Nghệ nhân làng nghề tham gia công tác truyền nghề, dạy nghề truyền thống cho lao động nông thôn.

*** Đối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch**

- Đẩy mạnh phát triển du lịch gắn kết với làng nghề theo chỉ thị tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề; phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn trên cơ sở bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương.

- Gắn bảo tồn và phát triển làng nghề với chương trình phát triển du lịch; xây dựng và hình thành các tuyến, điểm du lịch làng nghề, coi phát triển du lịch kết hợp làng nghề là hướng đi đúng đắn, cần được nhân rộng. Xây dựng các điểm trình diễn sản phẩm, giới thiệu và bán sản phẩm làng nghề; nghiên cứu bảo tồn các di tích lịch sử như Đền thờ tổ nghề, các lễ hội truyền thống... để tạo điểm đến cho khách du lịch thăm quan, thực hành và trải nghiệm hoạt động làm nghề truyền thống của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền thông qua việc tổ chức thu thập thông tin về làng nghề để xuất bản sách, phim tài liệu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về làng nghề.

*** Đối với Sở Khoa học và Công nghệ**

Hỗ trợ triển khai ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong sản xuất ở các làng nghề; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng và áp dụng các mô hình, công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

*** Đối với Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

- Chỉ đạo tiếp tục triển khai có hiệu quả đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; trong đó chú trọng công tác đào tạo tay nghề tại các địa phương có làng nghề, làng có nghề truyền thống, các địa phương có nghề mang bản sắc văn hoá dân tộc. Đa dạng hoá phương thức, thời gian đào tạo phù hợp với từng loại đối tượng, phát huy hình thức đào tạo theo nhu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm. Có chính sách thu hút các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo từng bước hình thành lớp thợ có tay nghề vững, tâm huyết với nghề.

*** Đối với sở Tài nguyên và Môi trường**

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong làng nghề thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các văn bản pháp luật khác liên quan.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các cơ sở chấp hành đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; có biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh quan tâm phân bổ chỉ tiêu đất phát triển cụm công nghiệp làng nghề trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các địa phương.

*** Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hàng năm quan tâm bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp và vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh cho các nhiệm vụ chi của ngành liên quan đến phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý làng nghề theo phân cấp; phối hợp chặt chẽ với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành trong quản lý, thanh tra, kiểm tra về hoạt động của các làng nghề trên địa bàn để đề ra định hướng, chính sách phát triển phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch phát triển làng nghề tại địa phương theo hướng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đối với các làng nghề truyền thống, có tiềm năng phát triển du lịch (*thêu ren, mộc, gốm sứ, giày da, bánh đa...*) và quy hoạch vùng sản xuất theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, cải tiến khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động và giá trị hàng hóa đối với các làng nghề có khả năng phát triển nhưng tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường (*gò tôn, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, làm hương...*)

- Củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn, làng nghề ở các cấp; bố trí cán bộ phụ trách công tác ngành nghề nông thôn, làng nghề nhất là ở cấp huyện và cấp xã nhằm tăng cường tổ chức, triển khai các nội dung và rà soát tình hình phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề ở từng địa phương.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động ngành nghề nông thôn, làng nghề; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

- Thực hiện nghiêm trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề được quy định tại Khoản 4,5 điều 56 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*triển khai thực hiện các phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề; đầu tư, xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường...*).

- Khuyến khích hình thành và đi vào hoạt động của các hội, hiệp hội trong các làng nghề nhằm xây dựng mô hình cầu nối giữa người sản xuất với cơ quan quản lý nhà nước thông qua triển khai mối quan hệ của các cơ sở với các hiệp hội, hội nghề nghiệp để tạo tiếng nói đồng thuận, tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước; đảm bảo sự phát triển bền vững của các làng nghề.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề, Ban kinh tế - ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Thành viên đoàn giám sát;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lưu VT.

**TM. BAN KINH TẾ- NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Trịnh Thúy Nga